

Số: /KH-SGDĐT

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**Kiểm tra công tác xây dựng xã hội học tập năm 2022**

Thực hiện Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”; Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 16/12/2021 của UBND Thành phố về “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” thành phố Hà Nội; Kế hoạch số 1761/KH-SGDĐT ngày 21/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội; Công văn số 3428/SGDĐT-GDTEX-CN ngày 01/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập năm 2022 đối với ngành Giáo dục và Đào tạo như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Đánh giá đúng thực trạng công tác quản lý, chỉ đạo việc xây dựng xã hội học tập tại các địa phương, đơn vị.
- Ghi nhận kết quả thực hiện; tư vấn các giải pháp cụ thể, phù hợp để mỗi địa phương, đơn vị có thể triển khai hiệu quả các mục tiêu của Đề án xây dựng xã hội học tập trên địa bàn Thành phố trong giai đoạn tiếp theo.
- Kết quả kiểm tra, đánh giá là căn cứ để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thực hiện của các địa phương, đơn vị đối với công tác xây dựng xã hội học tập.

**2. Yêu cầu**

- Đánh giá trung thực, khách quan các mặt hoạt động về công tác xây dựng xã hội học tập tại các địa phương, đơn vị.
- Triển khai việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau kiểm tra.
- Từ kết quả kiểm tra, tham mưu xây dựng hệ thống văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai hiệu quả các mục tiêu của Đề án xây dựng xã hội học tập trong giai đoạn tiếp theo.

**II. THÀNH PHẦN, THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC KIỂM TRA**

**1. Thành phần Đoàn kiểm tra**

- Lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

- Lãnh đạo, chuyên viên các phòng: Giáo dục thường xuyên - Đại học; Giáo dục Mầm non; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Trung học; Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Mời đại diện Hội Khuyến học Thành phố.

## **2. Thời gian và hình thức kiểm tra**

- Thời gian kiểm tra: Từ tháng 7/2022 đến hết tháng 12/2022 (*có lịch cụ thể gửi đến các đơn vị trước thời điểm kiểm tra*).

- Hình thức kiểm tra: Kiểm tra trực tiếp hồ sơ, minh chứng về công tác xây dựng xã hội học tập tại các địa phương, đơn vị.

## **III. NỘI DUNG KIỂM TRA**

### **1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thị xã**

- Công tác xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030: các Quyết định, văn bản chỉ đạo; kết quả thực hiện các mục tiêu đề ra tính đến thời điểm kiểm tra; kế hoạch, phương hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

- Tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời năm 2021: kế hoạch, báo cáo, minh chứng tổ chức các hoạt động trong tuần lễ.

- Trung tâm học tập cộng đồng năm học 2021-2022:

+ Văn chỉ đạo của quận, huyện, thị xã; Kế hoạch kiểm tra, Biên bản đánh giá, xếp loại...

+ Hồ sơ quản lý, minh chứng các hoạt động của 02 trung tâm học tập cộng đồng chưa được Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra (hệ thống hồ sơ quản lý thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 3428/SGDDT-GDTC-CN ngày 01/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức hoạt động các trung tâm học tập cộng đồng).

- Cộng đồng học tập cấp xã năm 2021:

+ Hồ sơ đánh giá của quận, huyện, thị xã theo hướng dẫn tại Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Kế hoạch kiểm tra, Biên bản kiểm tra, Quyết định công nhận, các văn bản liên quan khác nếu có...).

+ Hồ sơ, minh chứng của 02 xã/phường chưa được Sở Giáo dục và Đào tạo kiểm tra (Tờ trình gửi UBND quận/huyện kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận; Kế hoạch tự kiểm tra; Biên bản tự kiểm tra; minh chứng theo từng tiêu chí; các văn bản liên quan khác nếu có...).

- Đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập năm 2021:

+ Hồ sơ, minh chứng việc đánh giá xếp loại Đơn vị học tập của Phòng Giáo dục và Đào tạo đối với các đơn vị trực thuộc (Kế hoạch, Biên bản kiểm tra nếu có, Quyết định công nhận, Báo cáo...).

+ Hồ sơ, minh chứng tự đánh giá, xếp loại của 03 cấp học: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, mỗi cấp học 01 đơn vị (Kế hoạch; Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Biên bản tự đánh giá, xếp loại; Báo cáo; minh chứng theo từng tiêu chí...).

- Công tác khuyến học của quận, huyện, thị xã năm 2021, 2022: văn bản chỉ đạo, hồ sơ, minh chứng các hoạt động.

## **2. Đối với các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên**

Đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập năm 2021: hồ sơ, minh chứng tự đánh giá, xếp loại của đơn vị (Kế hoạch; Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; Biên bản tự đánh giá, xếp loại; Báo cáo; minh chứng theo từng tiêu chí...).

### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Các phòng thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Khuyến học Thành phố**

- Phòng Giáo dục thường xuyên - Đại học: Là đơn vị thường trực, tham mưu xây dựng kế hoạch kiểm tra; chủ trì, phối hợp với các phòng thuộc Sở triển khai việc kiểm tra tại các địa phương, đơn vị, đảm bảo theo quy định.

- Văn phòng Sở: đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ đoàn kiểm tra thực hiện theo Kế hoạch.

- Các phòng liên quan thuộc Sở: cử cán bộ tham gia thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch.

- Đề nghị Hội Khuyến học Thành phố: chỉ đạo Hội khuyến học quận, huyện, thị xã thực hiện các nội dung theo Kế hoạch kiểm tra; cử cán bộ tham gia thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch.

#### **2. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thị xã**

- Xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện tại địa phương; phối hợp với hội khuyến học chuẩn bị các minh chứng phục vụ Đoàn kiểm tra.

- Chỉ đạo các xã, phường, thị trấn, đơn vị trường học trực thuộc chuẩn bị báo cáo, hồ sơ, minh chứng phục vụ công tác kiểm tra.

- Giám sát việc thực hiện kết luận kiểm tra của các đơn vị trực thuộc.

#### **3. Các xã, phường, thị trấn, đơn vị trường học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên**

- Xây dựng Báo cáo tình hình thực hiện tại đơn vị; chuẩn bị các minh chứng phục vụ Đoàn kiểm tra.

- Căn cứ vào lịch kiểm tra của Sở Giáo dục và Đào tạo tại quận, huyện, thị xã, các đơn vị được kiểm tra chuẩn bị hồ sơ theo quy định để đoàn kiểm tra trực tiếp tại buổi làm việc với các quận, huyện, thị xã.

## \* Lưu ý:

- Các đơn vị có thể số hóa các minh chứng, sử dụng máy tính, máy chiếu để Báo cáo đoàn kiểm tra (phòng Giáo dục và Đào tạo chủ động bố trí, sắp xếp thứ tự các đơn vị báo cáo cho phù hợp, bao gồm cả các trường trực thuộc Sở, trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên). Riêng hồ sơ quản lý của trung tâm học tập cộng đồng và hồ sơ đánh giá cộng đồng học tập cấp xã, ngoài minh chứng được số hóa cần có các loại hồ sơ quản lý trực tiếp theo quy định.

- Các biểu mẫu báo cáo; tiêu chí đánh giá, xếp loại đối với từng mô hình học tập: tham khảo phụ lục đính kèm.

Trên đây là Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các nội dung của công tác xây dựng xã hội học tập năm 2022 đối với ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội. Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị nghiêm túc thực hiện. Mọi vấn đề cần trao đổi xin liên hệ với đồng chí Phạm Thị Huyền, chuyên viên phòng Giáo dục thường xuyên – Đại học để được phối hợp, giải quyết (điện thoại: 0974368896).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Đ/c PGĐ Nguyễn Quang Tuấn;
- Hội Khuyến học Thành phố;
- Các phòng liên quan thuộc Sở;
- Các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở;
- Trung tâm GDNN-GDTX;
- Lưu: VT, GDTX-ĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quang Tuấn**

MẪU BÁO CÁO DÀNH CHO CÁC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

UBND .....

PHÒNG GDĐT.....

Số: \_\_\_\_\_ /BC-PGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày      tháng      năm 202..

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác xây dựng xã hội học tập**

**1. CÔNG TÁC XÂY DỰNG XÃ HỘI HỌC TẬP**

1.1. Công tác triển khai, quán triệt thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập ở các cấp, các ngành trên địa bàn

.....

1.2. Công tác kiện toàn Ban Chỉ đạo xây dựng XHHT các cấp; sự phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội

.....

1.3. Hệ thống văn bản chỉ đạo, điều hành đã ban hành

.....

1.4. Công tác thông tin, tuyên truyền

.....

1.5. Nguồn lực để triển khai thực hiện Đề án xây dựng xã hội học tập

- Ngân sách địa phương:

- Hỗ trợ của doanh nghiệp, cộng đồng và các đoàn thể

- Nguồn vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác đã và đang thực hiện trên địa bàn

1.6. Kết quả đạt được

.....

1.7. Công tác thông tin, báo cáo

1.8. Đề xuất định hướng, mục tiêu, phương hướng và giải pháp chủ yếu triển khai nhiệm vụ xây dựng XHHT trong giai đoạn tiếp theo

## 2. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG

### 2.1. Thống kê số liệu tính đến thời điểm 5/2022

Tổng số trung tâm HTCD	Số trung tâm HTCD xếp loại tốt	Số trung tâm HTCD xếp loại khá	Số trung tâm HTCD xếp loại trung bình	Số trung tâm HTCD chưa được xếp loại	Số trung tâm HTCD có trụ sở riêng	Số trung tâm HTCD có tủ sách riêng	Số trung tâm HTCD kết hợp nhà văn hóa, TT thể thao xã	Tổng số người trong Ban Giám đốc của các TT HTCD	Tổng số giáo viên tham gia tại TT HTCD	Số cộng tác viên tham gia tại TT HTCD

- Tổng số người tham gia học các chuyên đề tại TTHTCD: .....

- Tổng số các chuyên đề đã thực hiện: ..... Trong đó:

+ Chuyên đề về giáo dục pháp luật: .....

+ Chuyên đề về giáo dục sức khỏe: .....

+ Chuyên đề về giáo dục môi trường: .....

+ Chuyên đề về giáo dục văn hóa: .....

+ Chuyên đề về phát triển kinh tế: .....

+ Chuyên đề về giáo dục kỹ năng sống: .....

### 2.2. Đánh giá về tổ chức hoạt động của các TTHTCD.

a) Công tác quản lý, chỉ đạo

.....

b) Kết quả tổ chức hoạt động

.....

c) Kết quả kiểm tra, đánh giá

TT	Xã	Tốt	Khá	TB	Yếu	Chưa đánh giá
1	.....					
2						
3						
Tổng						

d) Đánh giá tác động của TTHTCD đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của địa phương và chất lượng cuộc sống của người dân

.....

### **3. CÔNG TÁC KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP CẤP XÃ THEO THÔNG TƯ 44**

#### **3.1. Công tác quản lý, chỉ đạo**

.....

#### **3.2. Công tác tổ chức kiểm tra, đánh giá**

- Công tác tự đánh giá của các xã/ phường/ thị trấn
- Quy trình nộp và lưu hồ sơ, minh chứng tự đánh giá, xếp loại của các xã/ phường/ thị trấn

#### **3.3. Kết quả kiểm tra đánh giá**

- Tổng số xã/ phường/ thị trấn tự đánh giá, xếp loại:
- Tổng số xã/ phường/ thị trấn được đánh giá, xếp loại:
- Kết quả đánh giá, xếp loại:

<b>TT</b>	<b>Xã/ phường/ thị trấn</b>	<b>Tốt</b>	<b>Khá</b>	<b>Trung bình</b>	<b>Chưa đạt</b>	<b>Chưa đánh giá</b>
1						
2						
3						
.....						
	<b>Tổng</b>					

- Báo cáo cụ thể các trường hợp chưa đạt/ chưa đánh giá:.....

### **4. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI ĐƠN VỊ HỌC TẬP**

#### **4.1. Công tác quản lý, chỉ đạo**

- Công tác chỉ đạo của Phòng GDĐT: *(Ghi chú rõ số văn bản và trích yếu nội dung đã ban hành nếu có)*:

.....

- Công tác chỉ đạo, tự đánh giá của các đơn vị trực thuộc:
- Quy trình tự kiểm tra, đánh giá, lưu hồ sơ, minh chứng của các đơn vị trực thuộc:

- Quy trình thực hiện việc kiểm tra đánh giá, xếp loại “Đơn vị học tập” của Phòng GDĐT: .....

#### **4.2. Kết quả đánh giá, xếp loại**

- Tổng số đơn vị tự đánh giá “Đơn vị học tập”:

- Tổng số đơn vị được Phòng GDĐT kiểm tra việc tự đánh giá, xếp loại “Đơn vị học tập”:

- Kết quả tự đánh giá cụ thể:

TT	Đơn vị tự đánh giá	Điểm	Xếp loại	Nhận xét chung về hồ sơ, minh chứng
1	Trường.....			
.....				

- Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại:

Tổng số	Tốt	Khá	Trung bình	Chưa đạt	Chưa đánh giá	Ghi chú

## 5. CÔNG TÁC KHUYẾN HỌC

### 5.1. Công tác quản lý, chỉ đạo

.....

### 5.2. Kết quả tổ chức hoạt động

.....

## 6. NHẬN XÉT CHUNG

### 6.1. Ưu điểm

.....

### 6.2. Tồn tại, hạn chế

.....

### 6.3. Bài học kinh nghiệm

.....

## 7. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

.....

Trên đây là báo cáo công tác xây dựng xã hội học tập của quận/huyện..... năm 2021, 2022. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận/huyện.....trân trọng báo cáo./.

### Nơi nhận:

- Sở GDĐT;

- .....

- Lưu: VT, .....

**TRƯỞNG PHÒNG GDĐT**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*



MẪU BÁO CÁO DÀNH CHO CÁC XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

.....  
Xã....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: \_\_\_\_\_/BC

\_\_\_\_\_ Hà Nội, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 202..

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã**

---

**I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO**

.....

**II. CÔNG TÁC TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ**

- Công tác tự đánh giá của các xã/ phường/ thị trấn

.....

- Quy trình nộp và lưu hồ sơ, minh chứng tự đánh giá, xếp loại của các xã/ phường/ thị trấn

.....

- Kết quả tự kiểm tra đánh giá:

- Kết quả được quận/huyện đánh giá, xếp loại

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

.....

MẪU BÁO CÁO DÀNH CHO CÁC TRƯỜNG/TRUNG TÂM GDNN-GDTEX

.....  
TRƯỜNG/TRUNG TÂM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: \_\_\_\_\_ /BC-PGDĐT

Hà Nội, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm 2020

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hiện công tác đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập**

---

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

- Công tác chỉ đạo của Ban Giám hiệu/Ban Giám đốc trung tâm GDNN-GDTEX (ghi chú rõ số văn bản và trích yếu nội dung đã ban hành nếu có):
- Công tác tự đánh giá của các thành viên trong đơn vị:
- Quy trình tự kiểm tra, đánh giá, lưu hồ sơ, minh chứng của đơn vị:

.....

**II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

.....

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Những kết quả đã đạt được; ưu, nhược điểm; bài học kinh nghiệm
2. Khó khăn, tồn tại
3. Kiến nghị, đề xuất

## TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI ĐƠN VỊ HỌC TẬP

(theo Công văn số 1761/KH-SGDĐT ngày 21/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm tối đa	Các minh chứng cần có	Hướng dẫn chấm điểm	Điểm tự chấm
<b>1</b>	<b>Tiêu chí về điều kiện để xây dựng Đơn vị học tập</b>	<b>30</b>			
1.1	Đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch cho các thành viên học tập thường xuyên	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch học tập thường xuyên của đơn vị;</li> <li>- Hình ảnh, tài liệu, học liệu, bài giảng...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch: 10 điểm</li> <li>- Đơn vị xây dựng kế hoạch nhưng tổ chức thực hiện chưa hiệu quả: 5 điểm</li> <li>- Không xây dựng kế hoạch: 0 điểm</li> </ul>	
1.2	Đơn vị có các quy định cụ thể nhằm động viên thành viên học tập	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quy định cụ thể của đơn vị nhằm động viên thành viên học tập (học phí, phương tiện, động viên, khen thưởng...)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có các quy định khả thi: 10 điểm.</li> <li>- Có các quy định nhưng có một số nội dung không khả thi: 5 điểm.</li> <li>- Không có quy định: 0 điểm</li> </ul>	
1.3	Đơn vị quan tâm đầu tư các nguồn lực gồm tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị và những điều kiện đảm bảo để đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nguồn lực tài chính;</li> <li>- Có cơ sở vật chất, trang thiết bị và các điều kiện khác phục vụ học tập, bồi dưỡng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đầu tư kinh phí hỗ trợ, cơ sở vật chất, thiết bị và những điều kiện đảm bảo đáp ứng nhu cầu học tập của thành viên: 10 điểm.</li> <li>- Có kinh phí hỗ trợ hoặc cơ sở vật chất, thiết bị: 05 điểm.</li> <li>- Không có kinh phí hỗ trợ: 0 điểm</li> </ul>	
<b>2</b>	<b>Tiêu chí về kết quả học tập của các thành viên</b>	<b>30</b>			
2.1	Thành viên trong đơn vị có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng hàng năm được lãnh đạo đơn vị phê duyệt;	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng hàng năm của thành viên được lãnh đạo đơn vị phê duyệt.</li> <li>- Tự đánh giá của thành viên trong đơn vị.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ thành viên trong đơn vị có kế hoạch tự học, tự bồi dưỡng và tự đánh giá đánh giá hàng năm đạt:</li> <li>- Đạt 100%: 10 điểm</li> <li>- Từ 80% đến dưới 100%: 8 điểm</li> <li>- Từ 50% đến dưới 75%: 7 điểm</li> <li>- Từ 20% đến dưới 50%: 5 điểm.</li> <li>- Dưới 20%: 0 điểm.</li> </ul>	
2.2	Thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy làm việc trong đơn vị, có tinh thần hợp tác, đoàn kết	05	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng chấm công của đơn vị;</li> <li>- Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tỷ lệ thành viên trong đơn vị tuân thủ kỷ luật lao động, nội quy, có tinh thần hợp tác, đoàn kết và trao đổi:</li> <li>- Đạt 100 %: 5 điểm.</li> <li>- Từ 75% đến dưới 100%: 3</li> </ul>	

	và trao đổi;			điểm. - Từ 50% đến dưới 75%: 2 điểm. - Từ 30% đến dưới 50%: 1 điểm. - Dưới 30%: 0 điểm.	
2.3	Thành viên trong đơn vị hoàn thành đầy đủ chương trình học tập, bồi dưỡng bắt buộc theo quy định của nhà nước.	10	Xác nhận của đơn vị đối với các thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ học tập, bồi dưỡng theo quy định kèm theo chương trình học tập, bồi dưỡng và văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận hoàn thành khóa học.	Tỷ lệ thành viên trong đơn vị hoàn thành chương trình học tập, bồi dưỡng bắt buộc theo quy định đạt: - Đạt 100%: 10 điểm - Từ 75% đến dưới 100%: 8 điểm - Từ 50% đến dưới 75%: 7 điểm - Từ 30% đến dưới 50%: 5 điểm - Dưới 30%: 0 điểm	
2.4	Thành viên trong đơn vị đạt từ danh hiệu “Lao động tiên tiến” trở lên.	05	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng hàng năm của thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo cấp trên; bằng khen, giấy khen...	Tỷ lệ thành viên trong đơn vị đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” trở lên: - Đạt 70-100%: 5 điểm. - Từ 50% đến dưới 70%: 3 điểm. - Từ 30% đến dưới 50%: 2 điểm. - Từ 20% đến dưới 30%: 2 điểm. - Dưới 20%: 0 điểm.	
3	<b>Tiêu chí đánh giá hiệu quả, tác động của xây dựng Đơn vị học tập</b>	40			
3.1	Thành viên trong đơn vị đáp ứng đầy đủ các năng lực và phẩm chất của Công dân học tập, gồm: a) Có ý thức tuân thủ pháp luật; thực hiện quyền và trách nhiệm công dân đối với gia đình, xã hội (5đ)  b) Có cam kết học tập suốt đời để phát triển bản thân; (5đ)  c) Có ý thức tổ chức việc học tập trong gia đình, dòng họ, cộng đồng; (5đ)	25	- Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm hoặc chứng nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa” của địa phương,.... - Bản cam kết học tập suốt đời của các thành viên trong đơn vị; - Kết quả đánh giá, công nhận danh hiệu “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Gia đình văn hóa” hoặc Giấy	- Đạt 100 %: 25 điểm. - Từ 75% đến dưới 100%: 15 điểm. - Từ 50% đến dưới 75%: 10 điểm. - Từ 20% đến dưới 50%: 5 điểm. - Dưới 20%: 0 điểm.	

	<p>d) Có lối sống lành mạnh, tôn trọng và hòa hợp với môi trường; (1đ)</p> <p>đ) Biết sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc; (5đ)</p> <p>e) Có tư duy phân biện, sáng tạo, tính chủ động và kỹ năng giải quyết vấn đề; (2đ)</p> <p>g) Tôn trọng và thực hiện bình đẳng giới; (1đ)</p> <p>h) Hiểu rõ, trân trọng sự đa dạng văn hóa và có cách ứng xử văn hóa phù hợp; (1đ)</p>		<p>khen, Giấy chứng nhận về thành tích học tập, công tác của các thành viên trong gia đình, dòng họ...</p> <p>- Danh sách các thành viên trong đơn vị kèm theo trình độ tin học, ngoại ngữ; văn bằng, chứng chỉ tin học; văn bằng, chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ. (Đối với cán bộ, công chức, viên chức công tác tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, có thể sử dụng chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số thay cho chứng chỉ/chứng nhận ngoại ngữ).</p>		
3.2	Đơn vị đạt từ danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên.	10	Quyết định công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng hàng năm của cấp có thẩm quyền hoặc Bằng khen, Cờ thi đua của các cấp có thẩm quyền, ...	<p>- Đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, Bằng khen, Cờ thi đua: 10 điểm.</p> <p>- Đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”: 05 điểm</p> <p>- Không đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”: 0 điểm</p>	
3.3	Góp phần tạo lập môi trường chia sẻ tri thức với các đơn vị khác.		Các hoạt động chia sẻ tri thức với các đơn vị khác.	- 100% thành viên trong cơ quan tham gia các hoạt động chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng với các đơn vị khác; hỗ trợ, hướng dẫn	

		05	đồng nghiệp nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ (thông qua các hội thảo, hội nghị, cuộc thi, hội thi, các buổi thảo luận, làm việc nhóm, diễn đàn nội bộ, qua mạng internet, các câu lạc bộ...): 05 điểm. - Từ 75% đến dưới 100%: 03 điểm. - Từ 50% đến dưới 75%: 02 điểm. - Từ 30% đến dưới 50%: 01 điểm. - Dưới 30%: 0 điểm.	
--	--	----	--	--

\* Đơn vị học tập được xếp loại theo các mức sau:

- Loại tốt: từ 85 đến 100 điểm;
- Loại Khá: từ 70 đến dưới 85 điểm;
- Loại trung bình: từ 50 đến dưới 70 điểm;
- Chưa đạt: dưới 50 điểm.

## **TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG**

*(theo Công văn số 3428/SGD-GDĐT-CN ngày 01/10/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)*

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>	<b>Điểm cơ quan quản lý đánh giá</b>
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO</b>	<b>30</b>		
1	Cán bộ quản lý có đủ cơ cấu thành phần theo quy định tại Điều 11, văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BGDĐT ngày 14/3/2014 của Bộ GDĐT. Có Quyết định bổ nhiệm Ban Giám đốc, Quyết định kiện toàn Ban Giám đốc khi có sự thay đổi về nhân sự.	4		
2	Cán bộ quản lý được tập huấn chuyên môn nghiệp vụ (tối thiểu 01 lần/năm). Có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; định kỳ 6 tháng/ lần đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của các thành viên	4		
3	Có Quy chế hoặc Nội quy hoạt động của trung tâm	3		
4	Xây dựng Kế hoạch hoạt động hằng năm sát với thực tiễn của địa phương; triển khai, thực hiện các văn bản chỉ đạo của cấp trên kịp thời	4		
5	Cán bộ quản lý thực hiện giao ban định kỳ 3 tháng/lần để nắm bắt, điều chỉnh kịp thời các hoạt động của trung tâm cho phù hợp với điều kiện thực tế	3		
6	Xây dựng được đội ngũ giáo viên, hướng dẫn viên, cộng tác viên của trung tâm; mời gọi được các cá nhân điển hình tiên tiến tham gia làm báo cáo viên; đảm bảo thực hiện được 06 nội dung hoạt động chính của trung tâm (Giáo dục pháp luật, Giáo dục sức khỏe, Giáo dục môi trường, Văn hóa xã hội, Phát triển kinh tế, Giáo dục kỹ năng sống)	4		
7	Tiến hành tự đánh giá, xếp loại hằng năm theo quy định	3		
8	Hệ thống hồ sơ, sổ sách, minh chứng các hoạt động của trung tâm được lưu trữ, sắp xếp đầy đủ, khoa học	5		
<b>II</b>	<b>TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA TRUNG TÂM</b>	<b>20</b>		

1	Hàng năm tiến hành tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu học tập của các đối tượng trên địa bàn để phân loại, xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động phù hợp với điều kiện thực tiễn.	5		
2	Thường xuyên tổ chức các hoạt động (lớp học, câu lạc bộ, chuyên đề, hội thi, hội thảo ..) phù hợp với đối tượng và điều kiện của người học. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động được đông đảo cán bộ, nhân dân trên địa bàn tham gia học tập nhằm nâng cao dân trí, phát triển kinh tế, xã hội của địa phương	5		
3	Cập nhật kịp thời số liệu, kết quả của việc người dân tham gia học các chuyên đề và ứng dụng chuyên đề vào cuộc sống, lao động sản xuất.	3		
4	Biểu dương, khen ngợi, nêu gương các điển hình tiên tiến	3		
5	Xây dựng được kho học liệu số; số hóa tài liệu, văn bản chỉ đạo của trung tâm	4		
<b>III</b>	<b>CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI LIỆU HỌC TẬP</b>	<b>15</b>		
1	Có trụ sở làm việc riêng (hoặc được chính quyền bố trí phòng làm việc tại trụ sở của UBND xã, nhà văn hóa xã, nhà sinh hoạt của cộng đồng dân cư...)	4		
2	Có biển tên trung tâm học tập cộng đồng theo quy định tại Điều 5, văn bản hợp nhất số 10/VBHN-BGDĐT ngày 14/3/2014 của Bộ GDĐT	4		
3	Có phương tiện làm việc, thiết bị nghe nhìn, máy tính nối mạng Internet để tra cứu thông tin, tài liệu	4		
4	Có thư viện hoặc tủ đựng sách báo, tài liệu; có đồ dùng dạy học cần thiết phục vụ các hoạt động của trung tâm.	3		
<b>IV</b>	<b>TÀI CHÍNH VÀ SỰ THAM GIA CỦA XÃ HỘI</b>	<b>15</b>		
1	Thực hiện theo Thông tư 96/2008/TT-BTC ngày 27/10/2008 của Bộ tài chính hướng dẫn hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các trung tâm học tập cộng đồng và Quyết định 125/2009/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của UBND thành phố Hà Nội quy định mức hỗ trợ kinh phí và mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ quản lý trung tâm học tập cộng đồng xã, phường, trị trấn trên địa bàn Hà Nội	5		
2	Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Thanh quyết toán công khai theo nguyên tắc tài chính	5		



3	Phối hợp, liên kết được với các cơ quan chuyên môn, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, nhà hảo tâm... để tranh thủ được nguồn lực của các chương trình, dự án, huy động được nguồn kinh phí từ xã hội hóa.	5		
<b>V</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>20</b>		
1	Các hoạt động của trung tâm được các cấp chính quyền và ban, ngành, đoàn thể đánh giá là góp phần nâng cao dân trí, đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên, học tập suốt đời của người dân trên địa bàn	5		
2	Các hoạt động của trung tâm phong phú, đa dạng, thiết thực, góp phần nâng cao năng suất lao động, xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế của địa phương; số người dân có việc làm mới sau khi học nghề ngắn hạn tăng...	5		
3	Các hoạt động của trung tâm góp phần cải thiện ý thức, hành vi văn hóa, nếp sống văn minh cho người dân; các hoạt động thể dục thể thao, giữ gìn sức khỏe được chú trọng; bệnh dịch cho người, vật nuôi, cây trồng được chủ động phòng tránh; tệ nạn xã hội giảm, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được đảm bảo	5		
4	Tỷ lệ người biết viết, biết đọc tăng; tỷ lệ người mù chữ và tài mù chữ giảm; tỷ lệ người tham gia học tập các chuyên đề tại trung tâm tăng; tỷ lệ người biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng sau khi học tăng dần.	5		
	<b>TỔNG ĐIỂM</b>			
	<b>XẾP LOẠI</b>			

\* Trung tâm học tập cộng đồng được xếp loại theo các mức sau:

- Loại tốt: từ 80 điểm trở lên;
- Loại khá: từ 60 đến dưới 80 điểm;
- Loại trung bình: từ 50 đến dưới 60 điểm;
- Loại yếu: dưới 50 điểm.

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM “CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP XÃ**  
(theo Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TIÊU CHÍ	Mức điểm theo yêu cầu	Điểm đạt được	CÁC MINH CHỨNG
<b>1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền cấp xã (8 điểm)</b>			
1.1. Cấp ủy Đảng, chính quyền có Nghị quyết/Chỉ thị/Quyết định về xây dựng xã hội học tập và thành lập ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập (XD XHHT)	2		- Nghị quyết, chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã  - Quyết định thành lập hoặc kiện toàn ban chỉ đạo, quy chế hoạt động của ban chỉ đạo, quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên của trường ban chỉ đạo
1.2. Nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm của HĐND, UBND	2		- Chương trình công tác của cấp ủy Đảng, kế hoạch phát triển KT-XH của UBND trình HĐND qua các kỳ họp hằng năm đã đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" vào các văn bản trên
1.3. Hằng năm có dành kinh phí từ ngân sách của xã để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn (ngoài kinh phí hỗ trợ của nhà nước theo Quyết định 89)	2		- Báo cáo tài chính của cấp xã (phần kinh phí chi các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn)  - Kế hoạch huy động các nguồn lực của địa phương để hỗ trợ XD "Cộng đồng học tập"
1.4. Cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên chỉ đạo, giám sát tiến độ và kết quả xây dựng XHHT	2		Bên bản kiểm tra hằng tháng, hằng quý
<b>2. Hoạt động của ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã (8 điểm)</b>			
2.1. Ban chỉ đạo xây dựng được kế hoạch phù hợp với nhu cầu học tập của người dân và thực tế của địa phương	2		Kế hoạch hoạt động năm, quý, tháng của ban chỉ đạo XD XHHT
2.2. Ban chỉ đạo thường xuyên giám sát, đánh giá, tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, khen thưởng kịp thời	2		- Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm của ban chỉ đạo  - Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT
2.3. Các thành viên trong ban chỉ đạo được phân công cụ thể và	2		Văn bản phân công công việc cho các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức và các thành

hoạt động thường xuyên và hiệu quả			viên ban chỉ đạo XD XHHT của trưởng ban chỉ đạo XD XHHT cấp xã
2.4. Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về học tập suốt đời, XD XHHT, XD "Cộng đồng học tập" được triển khai thường xuyên và có hiệu quả	2		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các văn bản chỉ đạo hoặc kế hoạch triển khai của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã quán triệt các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ban thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh về XHHT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân</li> <li>- Báo kết quả tổ chức tuyên truyền, các hình thức tuyên truyền và thống kê số người, đối tượng được tuyên truyền. Đánh giá kết quả, tác động của công tác tuyên truyền về XHHT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân</li> <li>- Các bài viết tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của cấp xã</li> </ul>
<b>3. Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã (8 điểm)</b>			
3.1. Có cơ chế phối hợp giữa ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT, trong đó hội khuyến học giữ vai trò nòng cốt	2		Các chương trình phối hợp đã ký kết hoặc văn bản phân công công việc của ban chỉ đạo
3.2. Nhiệm vụ tổ chức học tập suốt đời (HTSD) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân ở địa phương được đưa vào kế hoạch công tác hằng năm của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp	2		Kế hoạch hoạt động hằng năm của ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức về XD XHHT và kết quả thực hiện kế hoạch
3.3. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy Đảng, HĐND và chính quyền địa phương đối với sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT. Hằng năm, tổ chức hội nghị liên tịch	2		Các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền hoặc các văn bản phối hợp của các đoàn thể; phê duyệt kế hoạch hoạt động hằng năm của chủ tịch UBND cấp xã
3.4. Có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hằng năm về sự phối kết hợp	2		Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm về sự phối kết hợp
<b>4. Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã (15 điểm)</b>			
4.1. Có đủ các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập đáp ứng nhu cầu học của trẻ theo quy định của Điều lệ trường mầm non	2		Căn cứ vào Điều lệ trường mầm non, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu các trường mầm non/ mẫu giáo/nhà trẻ/nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập thì cho 1 điểm

4.2. Có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	2		Quyết định công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm
4.3. Có đủ trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học đáp ứng nhu cầu của học sinh theo quy định của Điều lệ trường tiểu học	2		Căn cứ vào Điều lệ trường tiểu học, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường tiểu học/lớp tiểu học trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học thì cho 1 điểm
4.4. Có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	2		Quyết định công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm
4.5. Có đủ trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học đáp ứng nhu cầu học của học sinh theo Điều lệ trường trung học cơ sở	2		Căn cứ vào Điều lệ trường THCS, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường trung học cơ sở/trường phổ thông có nhiều cấp học thì cho 1 điểm
4.6. Có ít nhất một trường THCS đạt chuẩn quốc gia	2		Quyết định công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia của UBND tỉnh, TP
4.7. Trung tâm học tập cộng đồng hoặc trung tâm văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả được xếp loại tốt	3		Quyết định công nhận xếp loại TTHTCĐ của chủ tịch UBND huyện (được đánh giá và xếp loại theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và của địa phương). Nếu xếp loại khá thì cho 2 điểm, xếp loại trung bình cho 1 điểm
<b>5. Kết quả phổ cập giáo dục-xóa mù chữ (14 điểm)</b>			
5.1. Tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, nhóm trẻ đạt 40% trở lên	2		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 3 tuổi đang được nuôi dạy ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp
5.2. Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 85% trở lên	2		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ 3- 5 tuổi ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp
5.3. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	2		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi của UBND huyện
5.4. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	3		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 1 thì cho 1 điểm

5.5. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3	3		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.6. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	2		Quyết định công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 thì cho 1 điểm
<b>6. Công bằng xã hội trong giáo dục (6 điểm)</b>			
6.1. Có chính sách cụ thể hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi, có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, lớp (trẻ em nghèo, trẻ em gái, dân tộc, trẻ khuyết tật ...)	2		Quyết định của UBND cấp xã về việc huy động, sử dụng nguồn lực để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đến trường (hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo; cấp xe lăn cho trẻ em khuyết tật; cấp xe đạp cho trẻ em nghèo tại những vùng khó khăn; hỗ trợ đỡ đầu trẻ em mồ côi; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi...)
6.2. Tích cực huy động trẻ em khuyết tật ra trường, lớp tham gia học tập hòa nhập	2		Danh sách trẻ khuyết tật ở địa phương và danh sách trẻ khuyết tật ra lớp hằng năm (căn cứ số điều tra với sổ phổ cập GDMN, GDTH và GDTHCS)
6.3. Có các hình thức tổ chức cho trẻ em khuyết tật tham gia học tập	2		Các hình thức tổ chức cụ thể
<b>7. Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã (6 điểm)</b>			
7.1. Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định đạt 95% trở lên (vùng khó khăn: 85% trở lên)	2		Danh sách cán bộ của cấp xã có ghi chức vụ (hoặc vị trí công tác), trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, quản lý nhà nước, tin học...đã được đào tạo đến thời điểm đánh giá
7.2. Tỷ lệ cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc đạt 100% (vùng khó khăn: 90% trở lên)	2		Danh sách cán bộ của cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc
7.3. Tỷ lệ công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm đạt 85% trở lên (vùng khó khăn: 75% trở lên)	2		Danh sách công chức cấp xã được bồi dưỡng từng năm của 3 năm gần nhất (chuyên đề gì?, thời gian bồi dưỡng, do cơ quan, cơ sở đào tạo nào mở...)
<b>8. Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên) (4 điểm)</b>			
Tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung	4		Thống kê lập danh sách lao động nông thôn của địa phương và danh sách học viên của các lớp đã mở; số đầu bài. Nếu tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật

tâm học tập cộng đồng đạt 70% trở lên			kiến thức, kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt từ 60-69% cho 3 điểm; đạt từ 50-59% cho 2 điểm; dưới 50% cho 1 điểm
<b>9. Kết quả xây dựng “Gia đình hiếu học”, “ Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương” (7 điểm)</b>			
9.1. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình hiếu học” đạt 70% trở lên (vùng khó khăn: 60% trở lên)	3		Số hộ gia đình trong cấp xã; số hộ gia đình được hội khuyến học công nhận “Gia đình hiếu học”. Nếu tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình hiếu học” đạt từ 60-69% (vùng khó khăn: 50-59%) cho 2 điểm; đạt từ 50-59% (vùng khó khăn: 40-49%) cho 1 điểm
9.2. Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập” đạt 60% trở lên (vùng khó khăn: 50% trở lên)	4		Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp xã công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu " Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập". Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập” đạt từ 50-59% (vùng khó khăn: 40-49%) cho 3 điểm; đạt từ 40-49% (vùng khó khăn: 30-39%) cho 2 điểm; đạt dưới 40% (vùng khó khăn: 30%) cho 1 điểm
<b>10. Kết quả xây dựng thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" (4 điểm)</b>			
Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt 80% trở lên (vùng khó khăn: 70% trở lên)	4		Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp huyện công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu " Khu dân cư văn hóa". Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt từ 70-79% (vùng khó khăn: 60-69%) cho 3 điểm; đạt từ 60-69% (vùng khó khăn: 50-59%) cho 2 điểm; đạt dưới 70% (vùng khó khăn: 50%) cho 1 điểm
<b>11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (3 điểm)</b>			
Tỷ lệ hộ nghèo có giảm theo hằng năm	3		Báo cáo kinh tế - xã hội của UBND xã trước kỳ họp HĐND cuối năm hoặc 6 tháng đầu năm và kết quả điều tra hộ nghèo (Theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011- 2015). Nếu địa phương không có hộ nghèo thì cho điểm tối đa (3 điểm)

<b>12. Thực hiện bình đẳng giới (6 điểm)</b>			
12.1. Bảo đảm 80% trở lên các cấp lãnh đạo của chính quyền, tổ chức, đoàn thể xã có nữ tham gia quản lý	1		- Danh sách lãnh đạo UBND cấp xã - Danh sách cán bộ nữ làm công tác quản lý ở UBND cấp xã
12.2. Giảm bạo lực gia đình đối với phụ nữ dưới mọi hình thức	1		Báo cáo của hội phụ nữ cấp xã
12.3. Bảo đảm bình đẳng về cơ hội học tập đối với trẻ em trai và trẻ em gái	2		Danh sách trẻ em trai và gái trong độ tuổi đi học
12.4. Bảo đảm tỷ lệ cân bằng giữa nam - nữ trong tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại trung tâm học tập cộng đồng	2		Thống kê, báo cáo của TTHTCD cấp xã (danh sách nam, nữ tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại TTHTCD)
<b>13. Đảm bảo vệ sinh, môi trường (4 điểm)</b>			
13.1. Môi trường, cảnh quan trên địa bàn xã đảm bảo xanh-sạch-đẹp	1		- Có nhiều cây xanh, thường xuyên được chăm sóc và bổ sung. Đường đi lối lại trong thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương, trụ sở UBND xã, khuôn viên các nhà trường, ... luôn giữ sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu cảnh quan sư phạm - Mọi người được giáo dục cách sống khỏe mạnh và có sự hỗ trợ về y tế, về tâm lý
13.2. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 85% trở lên. (Vùng khó khăn: 75% trở lên)	1		Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường
13.3. Chất thải, nước thải gia đình và cơ quan, xí nghiệp được thu gom và xử lý theo đúng quy định	1		Trong mỗi thôn (ấp, bản, tổ dân phố) đều có tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ ở đường thu gom rác thải về nơi quy định để xử lý
13.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động gây ô nhiễm môi trường	1		Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định
<b>14. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (4 điểm)</b>			
14.1. Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo	1		Không có người dân bị ngộ độc thực phẩm
14.2. Các dịch bệnh được khống chế hiệu quả	1		Không có các dịch bệnh hoặc nếu có đã được khống chế, xử lý hiệu quả

14.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 23% trở xuống	1		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 5 tuổi và danh sách trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.
14.4. Bảo đảm 100% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ	1		Danh sách trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng và danh sách trẻ đã tham gia tiêm chủng theo quy định (do trạm y tế xã cung cấp)
<b>15. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội (3 điểm)</b>			
15.1. Giảm các vụ khiếu kiện vượt cấp	1		Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBND cấp xã
15.2. Giảm các tệ nạn xã hội (đánh nhau, mê tín, cờ bạc, rượu chè, ma túy, trộm cắp, ...).	2		Báo cáo công tác phòng chống tệ nạn xã hội của UBND cấp xã
<b>Cộng</b>	<b>100</b>		

\* Cộng đồng học tập cấp xã được xếp loại theo các mức sau:

- Loại tốt: Tổng số điểm đạt được từ 85-100, không có tiêu chí bị điểm 0;
- Loại khá: Tổng số điểm đạt được từ 70-84, không có tiêu chí bị điểm 0;
- Loại trung bình: Tổng số điểm đạt được từ 50-69, không có tiêu chí bị điểm 0;
- Loại chưa đạt: các trường hợp còn lại.